TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **100**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 10 - 2019
V/v: *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Ngân

- Ông Nguyễn Quốc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Huỳnh Kim T, sinh năm 1990 *(có mặt)*;

Địa chỉ: Số 182B đường Đ, khu phố VT, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 3 ấp K 9, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*;

Địa chỉ: Số 182B đường Đ, khu phố T, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Huỳnh Kim T trình bày:* Tôi và anh T1 tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2009.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà anh T1 tại địa chỉ 182B đường Đ, khu phố T, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con, nên vợ chồng xảy ra cự cãi, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Minh D, sinh ngày 06/4/2008, hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có.

* Bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T1 không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán đã thực hiện cơ bản đúng theo quy định của Bố luật tố tụng dân sự như:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc cấp, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự tuân thủ đúng quy định tại các Điều 171, 175, 177 và 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tổ chức phiên họp, kiểm tra, giao nộp chứng cứ đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án chưa có quyết định phân công Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện, Thẩm phán giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 191, khoản 1 Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự. Thực hiện chưa đúng về thời gian niêm yết theo quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, Viện kiểm sát nhận thấy: Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không còn hạnh

phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đã sống ly thân trong một thời gian dài nên xét thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung Trần Minh D và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 9, 56, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trần Văn T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn T1.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Kim T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần Văn T1. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kim T và anh Trần Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/02/2009, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị T xác nhận là do mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình; mặc dù chị T, anh T1 đã tự hòa giải để đoàn tụ và được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 04 năm nay. Nay chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Phía anh T1 không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị T và anh T1 không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị T xác định quá trình chung sống có 01 người con chung tên Trần Minh D, sinh ngày 06/4/2008, hiện nay đang sống với chị T. Chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu Minh D sống chung với chị T, đồng thời tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 22/4/2019 cháu Minh D có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị T khi cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Minh D cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có.

Do anh T1 không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh T1 có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc chị Huỳnh Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001551 ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Kim T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Trần Minh D, sinh ngày 06/4/2008 cho chị Huỳnh Kim T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T1 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Huỳnh Kim T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Huỳnh Kim T xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc chị Huỳnh Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001551 ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên chị T không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.